

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 118/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2018; giữa:

** Người yêu cầu:*

- Người yêu cầu:

+ Ông **Lê Thế A**, sinh năm 1991; nơi ĐKNKTT: Tổ 47 phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng. Chỗ ở hiện nay: Vùng 4 H, phường C, thành phố C, tỉnh K.

+ Bà **Dương Thị D**, sinh năm 1992; nơi ĐKNKTT: Tổ 47 phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng. Chỗ ở hiện nay: Phòng 804 Chung cư 12, quận S, thành phố Đà Nẵng.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 7 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 30 tháng 7 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Lê Thế A và bà Dương Thị D.
Do công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Lê Thế A và bà Dương Thị D nên giấy

chứng nhận kết hôn số 270/2014, quyển số 02/2014 do UBND phường T, quận S cấp ngày 17/12/2014 không còn giá trị pháp lý.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Thế A và bà Dương Thị D thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Ông A và bà D thỏa thuận giao con chung Lê Hoàng Gia B, sinh ngày 20/01/2017 cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng, ông A không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Ông A và bà D xác định không có.

- Lệ phí giải quyết việc Hôn nhân và gia đình: 300.000 đồng ông A và bà D tự nguyện chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 8845 ngày 13/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng. Ông A và bà D đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện KSND quận S;
- UBND phường T;
- Chi cục THADS quận S;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Đông Thanh

